

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 299/2024/HCPT

Ngày: 22/5/2024

V/v: Khiếu kiện quyết định hành  
chính, hành vi hành chính.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng;

Ông Hoàng Mạnh Hùng.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Duy Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp  
cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:  
**Bà Đoàn Thị Bình - Kiểm sát viên cao cấp.**

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà  
Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án Hành chính thụ lý số 828/2023/TLPT-  
HC ngày 29 tháng 11 năm 2023 do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với  
Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2023/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của  
Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5108/2024/QĐ-PT ngày 08  
tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Cấn Văn Đ; sinh năm 1946; địa chỉ: Thôn T,  
xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

**Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:** Bà Đinh Thị Hương  
L; sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm Y, xã Y, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

Bà Cấn Thị D; sinh năm 1975; trú tại: xóm T, xã L, huyện Y, tỉnh H; có  
mặt, từ chối nhận ủy quyền.

**2. Người bị kiện:**

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H.

**Người đại diện hợp pháp:** Ông Quách Tất L1; chức vụ: Phó Chủ tịch  
UBND tỉnh. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt (VB 721 ngày 14/5/2024);  
vắng mặt.

**Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh H:** Ông

Nguyễn Văn S; chức vụ: Phó Giám đốc Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình; có mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình: Ông Bùi Văn H

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Bùi Văn H1; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Y; vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp:* Ông Trần Quang T; chức vụ: Chánh thanh tra huyện Y; có mặt.

Ông Trần Duy T1 – Luật sư, Văn phòng Luật sư Trần Duy T1 và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh H; có mặt.

2.3. Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Bùi Ngọc L2; chức vụ: Chủ tịch UBND xã L; vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

### **3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Đỗ Thị N; sinh năm 1950; vắng mặt

3.2. Ông Cán Văn D1; sinh năm 1977; vắng mặt

3.3. Ông Cán Văn Đ1; sinh năm 1980; vắng mặt

3.4. Ông Cán Văn Đ2; sinh năm 1982; vắng mặt

3.5. Ông Cán Văn N1; sinh năm 1985; (Hay Cán Văn N1; sinh năm 1985; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

3.6. Ông Nguyễn Văn Đ3, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

3.7. Ông Nguyễn Hữu S1; sinh năm 1990; vắng mặt

3.9. Ông Nguyễn Hữu N2; sinh năm 1960; vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Chung cư S, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Người kháng cáo:** Người khởi kiện là ông Cán Văn Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/7/2021, người khởi kiện ông Cán Văn Đ; người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Đinh Thị Hương L trình bày:**

Tháng 10/2020 gia đình ông Cán Văn Đ thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQSDĐ*) đối với các thửa 76, 82, 96, 97, 98, 103 tờ bản đồ (*viết tắt là TĐĐ*) 36, diện tích (*viết tắt là DT*) 7.529,2m<sup>2</sup> nhưng Ủy ban nhân dân (*viết tắt là UBND*) huyện Y và UBND xã L

không thực hiện. Ông đã làm đơn khiếu nại gửi UBND huyện Y, tỉnh Hoà Bình.

Tháng 5 năm 2021, ông nhận được văn bản số 554/UBND - TTr ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc hướng dẫn ông Cấn Văn Đ thực hiện thủ tục khởi kiện vụ việc tranh chấp đất đai. Tại văn bản số 554 ngày 27/5/2021 cho rằng bản chất vụ việc là việc tranh chấp đất đai đối với các thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai 2013.

Ông cho rằng việc UBND huyện Y hướng dẫn ông khởi kiện tranh chấp đất đai đối với các thửa đất mà ông yêu cầu cấp đổi là trái với quy định pháp luật vì: Căn cứ theo hiện trạng sử dụng đất từ năm 1990 đến nay, GCNQSDĐ cấp cho hộ ông Cấn Văn Đ số P 360774 ngày 31/12/1999, sổ mục kê, sổ cấp GCNQSDĐ, bản đồ theo chỉ thị 10; Quyết định số 2064/QĐ - UBND ngày 31/12/2010 của UBND huyện Y; GCNQSDĐ số BA 221704 cấp cho ông Nguyễn Văn Đ3; GCNQSDĐ số BA 221703 cấp cho ông Nguyễn Hữu N2; GCNQSDĐ số BA 221705 cấp cho ông Nguyễn Hữu S1; sổ mục kê năm 2014; biên bản đo đạc ngày 25/8/2019 của VPĐKĐĐ tỉnh H.

Đối với 03 thửa đất số 96, 97, 98 được UBND huyện Y cho rằng có sự tranh chấp giữa gia đình ông với hộ gia đình ba ông Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Hữu S1, Nguyễn Hữu N2 là không đúng do: Ba thửa đất của ông Đ3, N2, Sáng được UBND huyện Y cấp năm 2010 là các thửa đất số 99, 100, 101, TBĐ 06 chứ không phải ba thửa số 96, 97, 98, TBĐ 36. Theo sổ mục kê năm 2014 thì tên người quản lý sử dụng các thửa 96, 97, 98, TBĐ 36 cũng không phải là ba ông Đ3, N2, S1 mà là gia đình ông, đất sử dụng ổn định hơn 30 năm, không có tranh chấp.

Đối với thửa đất số 76, TBĐ 36 UBND huyện Y nhận định có sự tranh chấp giữa gia đình ông với bà Cấn Thị C là không đúng do: Căn cứ biên bản đo đạc ngày 25/08/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H thì bà Cấn Thị C đã nhận mốc giới giáp ranh giữa đất của gia đình bà và gia đình ông Đ, thể hiện rõ trong biên bản là không có sự tranh chấp phần đất thửa 76, TBĐ 36 mà gia đình ông yêu cầu cấp đổi.

Đối với thửa 82, 103 tờ bản đồ 36, UBND huyện Y cho rằng đây là thửa đất công của UBND xã L là không đúng vì căn cứ sổ mục kê năm 2014, sổ cấp GCNQSDĐ theo chỉ thị 10, Luật đất đai năm 1993, năm 2003, năm 2013, Nghị định 64 – CP ngày 27/09/1993 thì diện tích đất là của gia đình ông, không phải là đất công của UBND xã L. Căn cứ sổ mục kê theo chỉ thị 10 mà UBND xã đang lưu giữ thì phần diện tích thửa 82, 103 là đất đã được giao và cấp GCNQSDĐ cho 3 ông Ninh Doãn G, Ninh Doãn T2, Ninh Doãn T3.

Bên cạnh đó phần diện tích đất ghi trong GCNQSDĐ giữa gia đình ông và gia đình ông G có sự nhầm lẫn cụ thể: Thửa đất số 18, TBĐ 15 trên GCNQSDĐ số P 360774 cấp ngày 31/12/1999 chủ sử dụng là ông Đ nhưng trên thực tế lại do ông G đang quản lý sử dụng, còn thửa số 16, TBĐ 12 trên GCNQSDĐ số P 529733 cấp ngày 31/12/1999 chủ sử dụng là ông G nhưng trên thực tế do ông Đ sử dụng.

Ngày 25/6/2021 ông Cấn Văn Đ khởi kiện tại Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình, đề nghị:

- Tuyên bố việc hướng dẫn ông khởi kiện tranh chấp đất đai (theo nội dung văn bản số 554/UBND-TTr ngày 27/5/2021) đối với các thửa đất 76, 82, 96, 97, 98, 103 tờ bản đồ 36, diện tích 7.529,2m<sup>2</sup> là không đúng với quy định của pháp luật. Buộc UBND huyện Y tuyên bố các thửa đất trên không có tranh chấp.

- Tuyên bố hành vi không xem xét giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh H là không đúng quy định pháp luật. Buộc UBND tỉnh H bồi thường 500.000đ trách nhiệm nhà nước.

- Tuyên bố hành vi không điều chỉnh hồ sơ địa chính và không xác nhận hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ cho gia đình ông của UBND xã L là trái pháp luật. Buộc UBND xã Lạc Thịnh phải điều chỉnh hồ sơ địa chính và phải xác nhận hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ cho gia đình ông.

Ngày 28/7/2021 ông Cấn Văn Đ bổ sung yêu cầu khởi kiện: Buộc UBND huyện Y cấp đổi GCNQSDĐ đối với các thửa 76, 82, 96, 97, 98, 103 TBĐ 36; Diện tích 7.529,2m<sup>2</sup> cho gia đình ông.

**\* Tại biên bản đối thoại ngày 15/8/2023 người đại diện theo uỷ quyền của ông Cấn Văn Đ:** Bà Đinh Thị Hương L rút yêu cầu khởi kiện đối với UBND tỉnh H, cụ thể: *(Tuyên bố hành vi không xem xét giải quyết đơn khiếu nại và hướng dẫn ông Cấn Văn Đ khởi kiện tranh chấp đất đai (Theo công văn 749/UBND – TCD ngày 19/5/2021 và Công văn số 1048 /UBND-TCD ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh H là không đúng với quy định của pháp luật. Buộc UBND tỉnh H phải bồi thường trách nhiệm nhà nước là 500.000 đồng)* Buộc UBND tỉnh H bồi thường 500.000đ trách nhiệm nhà nước.

**\* Người bị kiện trình bày:**

- **UBND huyện Y:** Thực hiện giao đất theo Nghị định 64/CP ngày 29/7/1993 về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình cá nhân phục vụ lâu dài vào mục đích sản xuất đất nông nghiệp. Thực hiện đo đạc bản đồ theo Chỉ thị số 10/1998/CT-TTg.

Ngày 31/12/1999, UBND huyện Y đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Cấn

Văn Đ tại thửa số 25, TĐĐ 15, Diện tích  $2.926\text{m}^2$  và thửa số 18, TĐĐ 15; diện tích  $2.928\text{m}^2$ ; mục đích sử dụng đất màu, thời hạn sử dụng 20 năm (đến tháng 8/2014) tại xóm T, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Sau đó hộ ông Đ được giao bổ sung thêm  $1.400\text{m}^2$  đất tại thửa 16a, TĐĐ 12; diện tích đất này hộ ông Đ chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất nhưng đã được UBND xã L chỉnh lý vào sổ mục kê năm 1995, chỉnh lý bản đồ giải thửa đất nông nghiệp.

Năm 2007 khi thu hồi đất thực hiện xây dựng khu tái định cư Thịnh Phú 2, thửa đất số 16a, TĐĐ 12 của hộ ông Đ bị thu hồi  $1.054,7\text{m}^2$  đất, hộ ông Đ đã nhận đủ tiền bồi thường. Diện tích còn lại là  $345,3\text{m}^2$  đất nông nghiệp giáp với khu tái định cư đường H và thửa 16, TĐĐ 12.

Ngày 22/10/2020 ông Cấn Văn Đ đã làm đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ có số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00019/QSDĐ/AC; số phát hành sổ P: 360774, ngày cấp giấy chứng nhận 31/12/1999 đối với thửa đất số 16, TĐĐ 12; DT  $11.400\text{m}^2$  (nay là thửa 76, 82, 96, 97, 98, 103, tờ bản đồ 36; DT  $7.529,2\text{m}^2$ ).

Sau khi ông Cấn Văn Đ đã hoàn thiện hồ sơ xin cấp đổi giấy chứng nhận, ngày 05/4/2021, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Y đã tiến hành kiểm tra, rà soát hồ sơ xin cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ của hộ ông Cấn Văn Đ xác định: Khi tiến hành giao đất theo Nghị định 64 hộ ông Đ đã được giao 02 thửa đất là thửa 25 và thửa 18, TĐĐ 15. Tuy nhiên, trên thực tế ông Cấn Văn Đ chỉ được giao thửa đất số 25, TĐĐ 15, Diện tích  $2.926\text{m}^2$ . Còn thửa 18, TĐĐ 15 được giao cho ông Ninh Doãn G, địa chỉ xóm T, xã L, huyện Y. Sau đó hộ ông Đ đã được giao bổ sung thửa 16a, TĐĐ 12, DT  $1.400\text{m}^2$  (diện tích đất trên hộ ông Đ chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất).

Trên GCNQSDĐ hộ ông Cấn Văn Đ giao nộp, có số seri P360774, số vào sổ cấp GCN 00019 do UBND huyện Y cấp ngày 31/12/1999, có ghi thêm thông tin: Tờ bản đồ 12, thửa số 16, DT  $11.400\text{m}^2$ , đất màu bằng mực chì màu đen.

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Y đã tiến hành xem xét, xác minh đối với thửa 16, TĐĐ 12 đã được ghi vào trong GCNQSDĐ của ông Đ, sau khi đối chiếu hồ sơ địa chính lưu tại UBND xã L thì nhận thấy thửa 16, TĐĐ 12 thuộc đất quy hoạch có DT  $7.857\text{m}^2$ . Theo kê khai của hộ ông Cấn Văn Đ, các thửa đất đề nghị cấp đổi là thửa số 96, 97, 98, 82, 76, 103, TĐĐ 36 theo bản đồ đo đạc chính quy năm 2010 có DT  $7.529,2\text{m}^2$  nằm hoàn toàn trong thửa 16, TĐĐ 12, bản đồ đo đạc theo chỉ thị 10.

Qua kiểm tra tài liệu lưu trữ thấy thửa số 96, 97, 98 đã được UBND huyện Y giao đất có thu tiền và cấp GCNQSDĐ theo quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 cho các ông Nguyễn Hữu N2, Nguyễn Hữu S1,

Nguyễn Văn Đ3. Thửa số 82, 103 là đất công thuộc UBND xã L quản lý. Thửa 76 do gộp thửa đất của bà Quách Thị N3 và đất của UBND xã quản lý.

Ngày 25/12/2020 Tổ công tác của UBND huyện Y đã tiến hành làm việc với tập thể cá nhân xóm T và xã L. Đại diện UBND xã L và xóm T đều có ý kiến thửa 16, TBĐ 12 là đất công, không giao cho hộ ông Cấn Văn Đ mà chỉ cho hộ ông Đ và một số hộ dân khác thầu nộp sản phẩm là 3kg đậu/sào, nộp cho Hợp tác xã tại thời điểm nhận thầu. Cho nên hộ ông Cấn Văn Đ chỉ được giao 02 thửa đất sản xuất là: Thửa số 25, TBĐ 15; DT 2.926m<sup>2</sup> và thửa số 16a, TBĐ 12, diện tích 1.400m<sup>2</sup>.

UBND huyện yên T4 khẳng định nội dung ghi thêm trên GCNQSDĐ của hộ ông Đ không phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh thông tin theo quy định pháp luật, có dấu hiệu cố ý làm sai lệch thông tin trên GCNQSDĐ.

Như vậy hồ sơ xin cấp đổi cấp lại GCNQSDĐ nông nghiệp của hộ ông Cấn Văn Đ không trùng khớp với hồ sơ địa chính, các thửa đề nghị cấp đổi có sự chồng chéo với các thửa đất đã được giao cho các hộ ngoài thực địa và đã được cấp GCNQSDĐ và một phần diện tích đất là đất công do UBND xã L quản lý nên không đủ điều kiện làm thủ tục cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ nông nghiệp cho ông Cấn Văn Đ.

Ngày 14/4/2021, UBND huyện L đã có Báo cáo số 98/BC – UBND báo cáo UBND tỉnh H, thanh tra tỉnh về giải quyết nội dung đơn xin cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ nông nghiệp của hộ ông Cấn Văn Đ.

Căn cứ Công văn số 749/UBND – TCD ngày 19/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh H về hướng dẫn giải quyết đơn của ông Cấn Văn Đ, ngày 27/5/2021 UBND huyện Y đã có Công văn số 553/UBND – TTr về việc thông báo kết quả rà soát thực hiện biên bản đối thoại ngày 22/10/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình liên quan đến vụ ông Cấn Văn Đ. Ngày 27/5/2021 UBND huyện Y có Công văn số 554/UBND – TTr về việc hướng dẫn ông Cấn Văn Đ thực hiện thủ tục khởi kiện vụ việc tranh chấp đất đai tại Toà dân sự. Việc hướng dẫn trên là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Toà án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cấn Văn Đ.

**\* UBND xã L trình bày:** Nhất trí với trình bày của UBND huyện Y, công văn số 554/UBND – TTr của chủ tịch UBND huyện Y về việc hướng dẫn ông Cấn Văn Đ thực hiện thủ tục khởi kiện vụ việc tranh chấp đất đai tại Toà dân sự là đúng quy định pháp luật. Hồ sơ xin cấp đổi, cấp lại GCNQSD đất nông nghiệp của hộ ông Cấn Văn Đ không đúng với hồ sơ địa chính; Các thửa đất đề nghị cấp đổi đã được xác định có sự chồng chéo với các thửa đất đã giao cho các hộ sử dụng ngoài thực địa và đã được cấp GCNQSD đất, và một phần

là diện tích đất công do UBND xã quản lý, nên không đủ điều kiện để làm thủ tục cấp đổi, cấp lại GCNQSD đất nông nghiệp cho hộ ông Cấn Văn Đ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

***\* Bà Đỗ Thị N, anh Cấn Văn D1, anh Cấn Văn L3, anh Cấn Văn Đ2, anh Cấn Văn N1:*** Đồng ý với ý kiến của người khởi kiện.

***\* Ông Nguyễn Văn Đ3 trình bày:*** Năm 2010 ông Đ3 chuyển từ T về xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình sinh sống và công tác, gia đình ông đã xin cấp đất. Ngày 31/12/2010 ông được UBND huyện yên Thủy cấp GCNQSDĐ thửa đất số 101, tờ bản đồ 06. Địa chỉ xóm T, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình, diện tích 300m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, thời gian sử dụng lâu dài, gia đình đã thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, nhưng đến nay vẫn chưa được sử dụng mảnh đất trên, do có sự tranh chấp với hộ ông Cấn Văn Đ, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

***\* Ông Nguyễn Hữu N2:*** Năm 2010 ông N2 chuyển đến xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình sinh sống và công tác, gia đình ông đã xin cấp đất. Ngày 31/12/2010 ông được UBND huyện yên Thủy cấp GCNQSDĐ thửa đất số 99, tờ bản đồ 06. Địa chỉ xóm T, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình, diện tích 300m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, thời gian sử dụng lâu dài, gia đình đã thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, nhưng đến nay không vẫn chưa được sử dụng mảnh đất trên, do có sự tranh chấp với hộ ông Cấn Văn Đ, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

***\* Ông Nguyễn Hữu S1:*** Năm 2010 ông S1 chuyển đến xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình sinh sống và công tác, gia đình ông đã xin cấp đất. Ngày 31/12/2010 ông được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ thửa đất số 100, tờ bản đồ 06. Địa chỉ xóm T, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình diện tích 300m<sup>2</sup> mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, thời gian sử dụng lâu dài, gia đình đã thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, nhưng đến nay vẫn chưa được sử dụng mảnh đất trên, do có sự tranh chấp với hộ ông Cấn Văn Đ, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/2/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 96, 97, 98 tờ bản đồ số 36, hiện trạng trên các thửa đất trên có trồng cây keo trên 20 năm tuổi, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện khai cây keo trên đất của gia đình ông Đ trồng; Thửa đất số 76 tờ bản đồ 36, trên đất có một phần gốc mía và 1 cây xoan của gia đình ông Đ; Thửa đất số 103 và thửa 82 tờ bản đồ 36, hiện trạng hai thửa đất trên có gốc mía của gia đình ông Đ.

Theo yêu cầu của UBND huyện Y, ngày 12/7/2022 Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 42/2022/QĐ – TCGĐ; Quyết định trưng cầu Phòng K công an tỉnh H thực hiện giám định đối với nội dung viết bằng mực bút chì.

Ngày 14/7/2022 Phòng K công an tỉnh H đã có văn bản số 349/CAT – PC09 về việc từ chối giám định do vượt qua năng lực chuyên môn của giám định viên.

Ngày 09/8/2022 Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 46/2022/QĐ-TCGĐ; Quyết định trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ C2; thực hiện giám định đối với nội dung viết bằng mực bút chì.

\* Ngày 9/8/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình ra Quyết định trưng cầu số 46/2022/QĐ-TCGĐ đối với chữ số “11400” ở cột thứ ba ghi: “diện tích (m<sup>2</sup>)” trong GCNQSDĐ số P360774, sổ vào sổ 00019 do UBND huyện Y cấp ngày 31/12/1999 mang tên hộ ông Cấn Văn Đ với nội dung “số 1 ở vị trí hàng chục nghìn so với số 1400 có cùng loại mực viết ra không, có bị tẩy xóa, sửa chữa, điền thêm hay không”.

Ngày 16/8/2022 Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 50/2022/QĐ – TCGĐ; Quyết định trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ C2; thực hiện giám định đối với nội dung “số 1 ở vị trí hàng chục nghìn so với số 1400 có cùng loại mực viết ra không, có bị tẩy xóa, sửa chữa, điền thêm hay không”.

Ngày 31/10/2022 V ban hành kết luận số 307/KL-KTHS kết luận:

“Tại vị trí chữ số “1” hàng chục nghìn trong số 11.400 ở cột diện tích (m<sup>2</sup>) trên GCNQSDĐ số P360774 ngày 31/12/1999(ký hiệu A) đã bị tẩy xóa, không xác định được nội dung nguyên thủy. Không đủ cơ sở để kết luận số 11.400 có bị sửa chữa điền thêm hay không...Không đủ cơ sở kết luận chữ số 1 hàng chục nghìn trong số 11.400 so với số 1.400 trong số 11.400 nêu trên có phải cùng một người viết ra hay không.

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 24 Luật Giám định Tư pháp năm 2012 và điểm d, khoản 1 Điều 80 Luật Tổ tụng dân sự năm 2015, V từ chối thực hiện giám định thời điểm viết chữ số “1” hàng chục nghìn trong số “11.400” ở cột “Diện tích (m<sup>2</sup>)” trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P360774 ngày 31/12/1999 (ký hiệu A) so với số “1.400” trong số “11.400” nêu trên do hiện nay V chưa giải quyết được các yêu cầu về thời điểm viết”.

**Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2023/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình** đã căn cứ các Điều 30, 32, 157,



158,143, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, 206 Luật tổ tụng hành chính; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Luật đất đai năm 1993; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 16 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Q về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

[1] Đình chỉ giải quyết vụ án về yêu cầu khởi kiện của ông Cấn Văn Đ đối với UBND tỉnh H, gồm: Tuyên bố hành vi không xem xét giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh H là không đúng quy định pháp luật. Buộc UBND tỉnh H bồi thường 500.000đ trách nhiệm nhà nước.

[2] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cấn Văn Đ về các nội dung:

- Tuyên bố việc hướng dẫn ông Cấn Văn Đ khởi kiện tranh chấp đất đai (theo nội dung văn bản số 554/UBND-TTr ngày 27/5/2021 đối với các thửa đất 76, 82, 96, 97, 98, 103 tờ bản đồ 36, diện tích 7.529,2m<sup>2</sup> là không đúng với quy định của pháp luật. Buộc UBND huyện Y phải công nhận các thửa đất 76, 82, 96, 97, 98, 103 tờ bản đồ 36, diện tích 7.529,2m<sup>2</sup> mà gia đình ông yêu cầu cấp đổi là không có sự tranh chấp. Buộc UBND huyện Y phải cấp đổi GCNQSDĐ các thửa 76, 82, 96, 97, 98, 103 tờ bản đồ 36, diện tích 7.529,2m<sup>2</sup> cho gia đình ông Đ.

Tuyên bố hành vi không điều chỉnh hồ sơ địa chính và không xác nhận hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ cho gia đình ông Đ của UBND xã L là trái pháp luật. Buộc UBND xã Lạc Thịnh phải điều chỉnh hồ sơ địa chính và phải xác nhận hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ cho gia đình ông Đ do không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2023, người khởi kiện là ông Cấn Văn Đ (đại diện theo ủy quyền của ông Cấn Văn Đ là Đình Thị Hương L viết đơn ký tên Đào) có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có ý kiến: Giữ nguyên nội dung kháng cáo của người khởi kiện, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Vì: Chưa xem xét đúng yêu cầu của người khởi kiện; chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ như hồ sơ giao đất cho ông Đ3, ông N2, ông S1 tại các thửa đất số 96, 97, 98 tờ bản đồ số 36 năm 2010; chưa thu thập tài liệu thửa 96, 97, 98 tờ bản đồ số 36 là thửa 99, 100, 101 tờ bản đồ số 6; hồ sơ về việc thu hồi đất của gia đình ông Đ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ba ông Đ3, N2, Sáng; các hợp đồng thuê thầu của ông Đ với xóm, xã; các tài liệu, hồ sơ địa chính thửa 16 là đất công; chưa làm rõ UBND xã quản lý đất công năm bao nhiêu; chưa làm rõ Phòng Tài nguyên và Môi trường đóng dấu trang 4 Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số P360774 cấp ngày 31/12/1999 cho ông Đ; bản gốc đơn đề nghị ngày 06/5/2008 của ông Đ; chưa xác định được vị trí đất công HTX là đất 5% HTX P để lại cho HTX từ nhà Phương L4; đánh giá chứng cứ chưa khách quan (không đúng thửa 76 có sự tranh chấp với bà C, chưa căn cứ vào sổ mục kê 2014, giấy xác nhận của ông Đ – bà S2 2014; Biên bản ngày 25/8/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H, mảnh trích đo số 02 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/02/2023 của Tòa án tỉnh Hòa Bình và hiện trạng sử dụng đất thửa 76 có sự tranh chấp, trồng lúa; thửa 82, 73 tranh chấp đất đai với đất công UBND xã quản lý; Bản án sơ thẩm chưa đánh giá bản đồ 1999, sổ mục kê 2014 mà chỉ căn cứ vào 3 biên bản làm việc với ông Đ. Từ năm 1999 đến 2010 là đất trồng cây hàng năm đã giao cho 3 ông C, N4 và ông Đ thực tế vẫn sử dụng; Hội đồng xét xử sơ thẩm không căn cứ Điều 15 Nghị định 64. Hành vi không lập, cập nhật hành vi của UBND xã. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng cáo của ông Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Nếu không thu thập đủ chứng cứ thì hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

*Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:*

Về việc chấp hành pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án ở giai đoạn phúc thẩm tới trước khi nghị án người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ, do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội không chấp nhận kháng cáo của ông Cấn Văn Đ; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của người khởi kiện đảm bảo thời hạn luật định, hình thức, nội dung phù hợp quy định, do vậy được xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Cấn Văn Đ vắng mặt, đã có mặt người đại diện theo ủy quyền; đại diện người bị kiện vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần 2 và một số người có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] *Về đối tượng khởi kiện:* Ông Cấn Văn Đ khởi kiện việc Chủ tịch UBND huyện Y hướng dẫn ông khởi kiện tranh chấp đất đai theo văn bản số 554/UBND-TTr ngày 27/5/2021, buộc UBND huyện Y tuyên bố các thửa đất thửa đất 76, 82, 96, 97, 98, 103 tờ bản đồ 36 không có tranh chấp, buộc UBND huyện Y phải công nhận và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất 76, 82, 96, 97, 98, 103 tờ bản đồ số 36, diện tích 7529,2m<sup>2</sup> cho gia đình ông Đ; Khiếu kiện hành vi của UBND xã L không điều chỉnh hồ sơ địa chính và không xác nhận hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ đất của ông Đ là trái quy định pháp luật. Buộc UBND xã L phải điều chỉnh hồ sơ địa chính và phải xác nhận hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ cho gia đình ông Đ. Căn cứ điều 3, điều 30 Luật Tổ tụng hành chính, ông Cấn Văn Đ có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 115 Luật tổ tụng hành chính

[4] *Về thời hiệu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm xác định:* Tháng 5/2021 ông Cấn Văn Đ nhận được văn bản số 554/UBND-TTr ngày 27/5/2021 của UBND huyện Y, ngày 25/6/2021 ông Cấn Văn Đ gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình. Như vậy, thời hiệu khởi kiện còn trong thời hạn được quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính là đúng.

[5] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Cấn Văn Đ khiếu kiện Văn bản số 554/UBND-TTr, ngày 27/5/2021 của UBND huyện Y; khiếu kiện hành vi của UBND xã L không điều chỉnh hồ sơ địa chính và không xác nhận hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ đất của ông là trái quy định pháp luật. Căn cứ khoản 3 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

[7] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Nếu không thu thập đủ chứng cứ thì hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án. Hội đồng xét xử thấy:

[7.1] ***Xét yêu cầu tuyên bố việc hướng dẫn ông Cấn Văn Đ khởi kiện tranh chấp đất đai*** (theo nội dung văn bản số 554/UBND-TTr ngày 27/5/2021 của UBND huyện Y) đối với các thửa đất 76, 82, 96, 97, 98, 103 tờ bản đồ 36, diện tích 7529,2m<sup>2</sup> là không đúng với quy định của pháp luật. Buộc UBND huyện Y phải công nhận các thửa đất 76, 82, 96, 97, 98, 103 tờ bản đồ 36, diện tích 7529,2m<sup>2</sup> mà gia đình ông yêu cầu cấp đổi là không có sự tranh chấp. Buộc UBND huyện Y phải cấp đổi GCNQSDĐ các thửa 76, 82, 96, 97, 98, 103 tờ bản đồ 36, diện tích 7529,2m<sup>2</sup> cho gia đình ông:

*Xét tính hợp pháp về hình thức và thẩm quyền ban hành:* Văn bản số 554/UBND-TTr ngày 27/5/2021 do Chủ tịch UBND huyện Y ký là đúng quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 về hình thức và thẩm quyền ban hành.

*Về trình tự, thủ tục:* Văn bản số 554/UBND-TTr, ngày 27/5/2021 của UBND huyện Y về việc Hướng dẫn ông Cấn Văn Đ thực hiện thủ tục khởi kiện vụ việc tranh chấp đất đai tại Tòa án là đúng quy định về trình tự thủ tục ban hành. Cụ thể:

Thực hiện Thông báo số 1637/TB-VPUBND ngày 17/3/2021 về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi tiếp dân tháng 3/2021 đối với hộ ông Cấn Văn Đ, liên quan đến nội dung đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ. Ngày 22/3/2021, UBND huyện có Công văn số 271/UBND-TTr giao cho UBND xã L chủ trì, phối hợp cùng Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y hướng dẫn hộ ông Đ thực hiện các thủ tục kê khai, lập hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ theo quy định.

Ngày 25/3/2021, UBND huyện Y có Thông báo số 11/TB-UBND về việc nộp hồ sơ.

Ngày 26/3/2021 UBND xã L nhận được hồ sơ hộ ông Đ đề nghị cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ, nhưng hộ ông Đ chưa nộp bản chính GCNQSDĐ. Ngày 29/3/2021 UBND huyện có Thông báo số 13/TB-UBND đề nghị hộ ông Đ bổ sung hồ sơ, ngày 2/4/2021 hộ ông Đ đến nộp bổ sung GCNQSDĐ theo thông báo của UBND xã L.

Ngày 05/4/2021, UBND xã L đã phối hợp với Chi nhánh VPĐKKĐ huyện Y tiến hành kiểm tra xác minh giữa hồ sơ địa chính xã và ngoài thực địa.

Ngày 14/04/2021, Ủy ban nhân dân huyện Y đã có báo cáo số 98/BC-UBND báo cáo UBND tỉnh H, Thanh tra tỉnh về giải quyết nội dung đơn xin cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ đất nông nghiệp của ông Cấn Văn Đ, xóm T, xã L, huyện Y và xin ý kiến chỉ đạo.

Căn cứ Công văn số 749/UBND-TCD ngày 19/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh H về hướng dẫn giải quyết đơn của ông Cấn Văn Đ; Ngày 27/5/2021 UBND huyện Y đã có Công văn số 553/UBND-TTr về việc Thông báo kết quả rà soát thực hiện biên bản đối thoại ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình liên quan đến vụ của ông Cấn Văn Đ, xóm T, xã L, huyện Y;

*Xét tính hợp pháp về nội dung văn bản:*

Ngày 02/4/2021 hộ ông Cấn Văn Đ kê khai đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 96, 97, 98, 82, 76, 103, tờ bản đồ số 36, diện tích 7529,2m<sup>2</sup> loại đất: màu. Các thửa đất trên có nguồn gốc là thửa đất số 16, TĐĐ 12; DT 7857m<sup>2</sup>.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thu thập tại Tòa án cấp sơ thẩm và tài liệu bổ sung theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, có căn cứ xác định:

Các thửa đất lần lượt số 101, số 100, số 99 tờ bản đồ số 6, bản đồ 299 nay là thửa đất số 96, số 97, số 98 tờ bản đồ 36, Bản đồ địa chính chính quy năm 2010;

Các thửa đất số 96, 97, 98, tờ bản đồ số 36, theo đo đạc chính quy năm 2010 đã được Ủy ban nhân dân huyện Y giao đất có thu tiền sử dụng đất cho các hộ ông Nguyễn Hữu N2, Nguyễn Hữu S1 và Nguyễn Văn Đ3 theo Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 31/12/2010, các hộ trên đã được cấp GCNQSDĐ từ ngày 31/12/2010; các thửa số 103, thửa 82 là đất công thuộc Ủy ban nhân dân xã L quản lý; thửa đất số 76, tờ bản đồ số 36 theo đo đạc địa chính chính quy có 1 phần diện tích đã giao cho bà Quách Thị N3 sử dụng và được cấp GCNQSDĐ phần diện tích còn lại thuộc đất công do UBND xã quản lý.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/2/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình nhận thấy tất cả các thửa đất đang trồng chéo, tranh chấp đều có tài sản của ông Cấn Văn Đ, cụ thể: Thửa số 96, 97, 98, TĐĐ 36 là 03 thửa đất liền nhau, trên đất có trồng cây keo khoảng 20 năm tuổi. Số keo trên do ông Cấn Văn Đ trồng; Thửa số 76, TĐĐ 36 trên đất có cây mía, cây xoan do ông Đào t; Thửa số 82, 103, TĐĐ 36 trên đất có mía do ông Đào t.

Bên cạnh đó ông Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Hữu S1, Nguyễn Hữu N2 là người đã được cấp GCNQSDĐ của thửa đất 96, 97, 98 TĐĐ 36 đều xác nhận có tranh chấp về quyền sử dụng đất với hộ ông Cấn Văn Đ.

Xét về nguồn gốc thửa đất ông Cấn Văn Đ yêu cầu được cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ là thửa số 16, TĐĐ 12, DT 11.400m<sup>2</sup> tại địa chỉ: xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Theo đo đạc chính quy năm 2010 nay là thửa số 76, 82, 96, 97, 98, 103, tờ bản đồ 36; DT 7529,2m<sup>2</sup>. Diện tích đất trên ông Cấn Văn Đ cho rằng gia đình ông đã được giao theo Nghị định số 64/CP ngày 29/7/1993 về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình cá nhân phục vụ lâu dài vào mục đích sản xuất đất nông nghiệp, đo đạc bản đồ theo Chỉ thị số 10/1998/CT – TTg.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản đồ dải thửa đo đạc theo chỉ thị 10/Ttg thể hiện thửa số 16 có DT 7857m<sup>2</sup>; thửa 16a có DT 1400m<sup>2</sup>; Danh sách chủ sử dụng đất nông nghiệp đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất nông nghiệp tại xóm T, xã L, huyện Y. Tổng diện tích đất nông nghiệp, đất giao 20 năm: 261.490m<sup>2</sup> có chữ ký của ông Bùi Văn H2 - chức vụ Phó chủ tịch UBND xã L và đóng dấu của UBND xã L. Tại số thứ tự 19, tên chủ sử dụng đất: Cấn Văn Đ; tờ bản đồ số 15; số thửa 25; DT 2926m<sup>2</sup> và thửa 18, DT 2928m<sup>2</sup>. Tổng là 5854m<sup>2</sup>; Xứ đồng: Giáp xóm cọ; loại ruộng: màu; thời gian

giao: 20 năm. Phía dưới có thể hiện nội dung: Số sơ ri: P360774; số sổ: 00019; cấp ngày 31/12/1999.

Theo Sổ mục kê nông nghiệp được ban hành theo quyết định 499 QĐ/ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục địa chính của xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình (quyển 1, bản 2):

- Tại trang số 68, thể hiện: Sổ tờ bản đồ 15, thửa số 25, chủ sử dụng đất là ông Cấn Văn Đ DT 2976m<sup>2</sup>; chia ra các loại đất gồm đất màu 2926m<sup>2</sup>, đất Đá 50 m<sup>2</sup>; đất 20 năm 2926m<sup>2</sup>; Thửa 18, chủ sử dụng đất có sự sửa chữa bút mực xanh thể hiện “Cấn v Đào” có sự sửa chữa: gạch chữ C1 và viết mực màu đen; đất 20 năm 2.928 m<sup>2</sup> tại cột số 9 đến số A có viết chữ Ninh D

- Tại trang số 158, thể hiện: Sổ tờ bản đồ 12: Thửa số 16a, chủ sử dụng đất là ông Cấn Văn Đ; DT 1400m<sup>2</sup>; chia ra các loại đất gồm đất màu 1400m<sup>2</sup>, đất 20 năm 1400m<sup>2</sup>; Thửa 16, chủ sử dụng đất là đất quy hoạch; DT 7857m<sup>2</sup>; chia ra các loại đất: Màu DT 7800m<sup>2</sup>, Đá DT 57m<sup>2</sup>; quy hoạch DT 7857m<sup>2</sup>. Phần ghi chú có ghi giao 1.400m<sup>2</sup> cho ông Đ.

Bên cạnh đó thực hiện Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 6/9/2006 của UBND tỉnh H về việc giao làm chủ đầu tư xây dựng các khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng công trình xây dựng đường H đoạn đi qua huyện Y. Ngày 20/4/2008, UBND xã L có Tờ trình số 16/TT-UBND về việc xin thu hồi đất để xây dựng khu tái định cư đường H tại xã L gửi UBND huyện Y. Ngày 26/5/2008, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 304/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Cấn Văn Đ 1054,7m<sup>2</sup> đất sản xuất nông nghiệp tại khu giao thông xóm T, xã L để giao cho Ban quản lý xây dựng các khu tái định cư huyện Y, xây dựng khu tái định cư tập trung phục vụ giải phóng mặt bằng đường H.

Theo biên bản họp xóm T và UBND xã L ngày 20/3/2008 xác định hộ ông Đ không được giao đất tại thửa 16 tờ bản đồ 12 mà chỉ được giao nộp thầu sản lượng cho BQL xóm. Thực tế hộ gia đình ông Đ được giao hai thửa đất là thửa 25 tờ bản đồ 15 và thửa 16a tờ bản đồ 12. Còn thửa 16 tờ bản đồ 12 diện tích 11400 m<sup>2</sup> hộ ông Đ không được giao.

Ngày 06/5/2008 ông Cấn Văn Đ có đơn đề nghị với nội dung “...gia đình được giao bổ sung diện tích đất nông nghiệp ở khu giao thông với diện tích là 1.400m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 12, thửa 16a chưa được điều chỉnh vào hồ sơ địa chính và GCNQSDĐ nông nghiệp sử dụng ổn định không có tranh chấp...đề nghị B và UBND xã xác nhận gia đình có diện tích đất trên để làm căn cứ lập hồ sơ bồi thường về đất”.

Ngày 10/7/2008 UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 1479/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng khu tái định cư tập trung trong đó hộ ông Đ được duyệt là 26.367.500đ.

Ngày 23/7/2008 hộ ông Cấn Văn Đ đã nhận tiền đền bù và đề nghị nhà nước hỗ trợ phần diện tích đất liền kề hộ đang canh tác nằm ngoài đất giao 20 năm cho hộ, nếu đơn giá bồi thường có thay đổi thì ông cũng được như các hộ theo chế độ.

Tại các biên bản làm việc ngày 20/9/2011, ngày 27/6/2012 với các thành phần đại diện UBND xã L với hộ ông Cấn Văn Đ, ông Đ đều xác nhận các thửa đất trên là đất công của UBND xã quản lý nay nhà nước có kế hoạch giao đất, gia đình ông nhất trí trả lại mặt bằng và đề nghị hỗ trợ một phần tài sản trên đất để gia đình thu hoạch trả lại đất.

Tại GCNQSDĐ số P360774, cấp ngày 31/12/1999 cho hộ ông Cấn Văn Đ thể hiện: hộ ông Cấn Văn Đ được quyền sử dụng 5854m<sup>2</sup> tại xóm T, xã L, huyện Y, Hòa Bình theo bảng liệt kê: Sổ tờ bản đồ 15, số thửa, diện tích: thửa 25, DT 2926m<sup>2</sup> và thửa 18, DT 2928m<sup>2</sup> phía dưới phần cột diện tích của hai thửa 25,18 có phần gạch chân ghi 5854. Mục đích sử dụng: Màu; Thời gian sử dụng 20 năm đến tháng 8/2014. Tại GCNQSDĐ trên tại bảng liệt kê có một dòng ghi bằng mực chì đen có nội dung: Sổ tờ bản đồ 12; số thửa 16; Diện tích (m<sup>2</sup>): 11400; mục đích sử dụng: Màu.

Người bị kiện là chủ tịch UBND huyện Y cho rằng GCNQSDĐ của ông Đ đã ghi thêm và việc này không do cơ quan có thẩm quyền viết nên đã đề nghị đi giám định. Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình đã tiến hành giám định đối với nội dung viết bằng chữ bút chì trong GCNQSDĐ. Tại Kết luận giám định số 307/KL – KTHS ngày 31/10/2022 của V - Bộ C2, kết luận:

- Tại vị trí chữ số “1” hàng chục nghìn trong số “11.400” ở cột “diện tích (m<sup>2</sup>)” trên GCNQSDĐ số P360774 ngày 31/12/1999 (ký hiệu A) đã bị tẩy xóa. Không xác định được nội dung nguyên thủy.

- Không đủ cơ sở kết luận số “11.400” ở cột “diện tích (m<sup>2</sup>)” trên GCNQSDĐ số P360774 ngày 31/12/1999 (ký hiệu A) có bị sửa chữa điền thêm hay không.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ số “1” hàng chục nghìn trong số “11.400” ở cột “diện tích (m<sup>2</sup>)” trên GCNQSDĐ số P360774 ngày 31/12/1999 (ký hiệu A) so với số “1.400” trong số “11.400” nêu trên có phải do cùng một người viết ra hay không.

- Căn cứ điểm b khoản 1 điều 24 Luật giám định tư pháp năm 2012 và điểm d khoản 1 Điều 80 BTTDS 2015. V từ chối thực hiện thời điểm viết chữ

số “1” hàng chục nghìn trong số “11.400” ở cột “diện tích (m<sup>2</sup>)” trên GCNQSDĐ số P360774 ngày 31/12/1999 (ký hiệu A) so với số “1.400” trong số “11.400” nêu trên do hiện nay V chưa giải quyết được các yêu cầu về thời điểm viết”.

Tại đơn khởi kiện ông Cấn Văn Đ cũng cho rằng phần diện tích đất ghi trong GCNQSDĐ giữa gia đình ông và gia đình ông G có sự nhầm lẫn cụ thể: GCNQSDĐ số P 360774 cấp ngày 31/12/1999 có thể hiện thửa đất số 18, TĐĐ 15 chủ sử dụng là ông Đ nhưng trên thực tế lại do ông G quản lý sử dụng còn thửa 16, TĐĐ 12 trên GCNQSDĐ số P 529733 cấp ngày 31/12/1999 chủ sử dụng là ông G nhưng trên thực tế do ông Đ sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L4 là người đại diện của ông Đ cũng xác định gia đình ông Đ không có quyết định giao đất, biên bản giao đất, không có tên trong sổ mục kê và bản đồ đối với thửa đất số 16.

Từ các chứng cứ trên nhận thấy: Ông Cấn Văn Đ cho rằng đã được giao thửa đất số 16, tờ bản đồ số 12, diện tích 11.400m<sup>2</sup> trong GCNQSDĐ mang tên hộ ông Cấn Văn Đ được UBND huyện Y cấp ngày 31/12/1999 là không có đủ căn cứ, vì diện tích đất tại thửa 16, TĐĐ 12 được ghi trong GCNQSDĐ không trùng khớp về diện tích, mục đích sử dụng đất trong các tài liệu lưu trữ tại UBND xã, UBND huyện, cụ thể: Trong GNQSDĐ thửa 16, TĐĐ 12, chủ sử dụng đất là Cấn Văn Đ có diện tích 11400 m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: Mầu; Tại sổ mục kê thể hiện thửa 16, TĐĐ 12, chủ sử dụng đất: Đất quy hoạch 7857m<sup>2</sup> chia ra các loại đất: mầu 7800m<sup>2</sup>, đá 57m<sup>2</sup>; quy hoạch 7857m<sup>2</sup>; Bản đồ giải thửa cũng thể hiện có 02 thửa đất là thửa 16 và thửa 16a, có diện tích trùng khớp với sổ mục kê lưu tại UBND xã L. Bên cạnh đó GCNQSDĐ ghi nội dung thửa 16, TĐĐ 12 bằng mực chì màu đen, có dấu hiệu sửa chữa là vi phạm quy định Luật Đất đai về việc cấp GCNQSDĐ. Do vậy, không đủ căn cứ xác định diện tích đất tại thửa 16, TĐĐ 12 là đất giao cho hộ ông Đ theo Nghị định 64/CP.

Do đó, đủ cơ sở xác định hộ ông Cấn Văn Đ được giao 02 thửa đất là thửa 25, TĐĐ 15 và thửa 16a, TĐĐ 12, trong đó thửa 25 TĐĐ 15 đã được cấp GCNQSDĐ; đối với thửa số 16a, TĐĐ 12 hộ ông Cấn Văn Đ chưa làm thủ tục cấp GCNQSDĐ. Đối với thửa 18, TĐĐ 15 đã được giao cho hộ ông N4 Doãn Giao lại được cấp GCNQSDĐ nhằm cho hộ ông Cấn Văn Đ, việc trên đã được sửa chữa trong sổ mục kê.

Như vậy, các thửa đất số 96, 97, 98, 82, 76, 103, tờ bản đồ số 36 mà hộ ông Cấn Văn Đ đề nghị cấp đổi, cấp lại GCNQSD đất có nguồn gốc là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 12 theo đo đạc chỉ thị 10, là đất quy hoạch do UBND xã L quản lý, có sự chồng chéo với các thửa đất đã giao cho các hộ sử dụng ngoài thực địa và đã được cấp GCNQSD đất và 01 phần là diện tích đất công do



UBND xã quản lý nên không đủ điều kiện để làm thủ tục cấp đổi, cấp lại GCNQSD đất nông nghiệp cho hộ ông Cấn Văn Đ theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Bên cạnh đó diện tích đất trên có tài sản của gia đình ông Đ. Do vậy, UBND huyện Y xác định các thửa đất trên có tranh chấp và hướng dẫn ông Cấn Văn Đ thực hiện thủ tục khởi kiện vụ việc tranh chấp đất đai theo quy định tại khoản 1 điều 203 Luật Đất đai năm 2013 là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Từ căn cứ nêu trên, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông Cấn Văn Đ là có căn cứ, đúng quy định. Kháng cáo của ông Cấn Văn Đ về nội dung này không được chấp nhận.

**[7.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Cấn Văn Đ đối với UBND xã L:**  
*Tuyên bố hành vi không điều chỉnh hồ sơ địa chính và không xác nhận hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ đất của ông Đ là trái quy định pháp luật; Buộc UBND xã L phải điều chỉnh hồ sơ địa chính và xác nhận hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ cho gia đình ông Đ. Xét thấy:*

Sau khi nhận được Công văn số 271 của UBND huyện Y. Ủy ban nhân dân xã L đã có thông báo cho hộ ông Cấn Văn Đ về việc nộp hồ sơ cấp đổi cấp lại GCNQSDĐ, ngày 02/4/2021 Ủy ban nhân dân xã L nhận được đơn hồ sơ cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của hộ ông Cấn Văn Đ xóm T, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 05/4/2021. U đã phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Y tiến hành kiểm tra, xác minh giữa hồ sơ địa chính lưu tại xã và ngoài thực địa để rà soát đối chiếu với hồ sơ xin cấp đổi GCNQSDĐ của hộ ông Cấn Văn Đ. GCNQSDĐ số seri P 360774, số vào sổ cấp GCNQSD đất 00019 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 31/12/1999 không trùng khớp với hồ sơ địa chính, bản đồ giải thửa theo chỉ thị 10 lưu tại xã để xác định nguồn gốc đất; Thông tin thửa đất theo giấy chứng nhận đã cấp trong đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại của hộ ông Cấn Văn Đ ghi thửa đất số 16, tờ bản đồ số 12, diện tích 11.400 m<sup>2</sup> sau khi đối chiếu với hồ sơ địa chính thì thửa đất số 16, tờ bản đồ số 12 thuộc đất quy hoạch do Ủy ban nhân dân xã Q1 có diện tích là 7.857 m<sup>2</sup>.

Thửa đất số 96, 97, 98 tờ bản đồ số 36 là thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Y giao đất có thu tiền sử dụng đất cho các hộ ông Nguyễn Hữu N2, Nguyễn Hữu S1 và Nguyễn Văn Đ3, các hộ đã được cấp GCNQSDĐ từ 2010, nhưng đến nay các hộ này chưa thực hiện cấp đổi GCNQSDĐ theo đo đạc địa chính chính quy (Các thửa đất lần lượt số 101, số 100, số 99 tờ bản đồ số 6, bản đồ 299 nay là thửa đất số 96, số 97, số 98 tờ bản đồ 36, Bản đồ địa chính chính quy năm 2010). Thửa 103, thửa 82 là thửa đất công thuộc Ủy ban nhân dân xã

L quản lý, thửa đất số 76 có 1 phần diện tích đã giao cho bà Quách Thị N3 sử dụng và được cấp GCNQSD đất. Như vậy, các thửa đất ông Đ đề nghị cấp đổi đã được xác định có sự chồng chéo với các thửa đất đã giao cho các hộ sử dụng ngoài thực địa và đã được cấp GCNQSD đất, một phần là diện tích đất công do UBND xã quản lý, nên không đủ điều kiện để làm thủ tục cấp đổi, cấp lại GCNQSD đất nông nghiệp cho hộ ông Cấn Văn Đ. UBND xã L trả lại hồ sơ cho hộ ông Cấn Văn Đ, không điều chỉnh hồ sơ địa chính và không xác nhận hồ sơ cấp đổi GCNQSD đất là đúng quy định pháp luật. Do đó, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông Cấn Văn Đ là có căn cứ.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo Quyết định ủy thác của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã chi 5.988.000đ. Bà L5 là người đại diện của ông Cấn Văn Đ đã nộp tạm ứng. Căn cứ Điều 358, 359 của Luật Tổ tụng hành chính, ông Đ phải chịu 5.988.000đ, được đối trừ vào tiền tạm ứng đã nộp, còn thừa 3.012.000đ ông Đ được trả lại và người đại diện của ông Đ là bà L5 đã nhận đủ tiền trả lại 3.012.000đ theo Biên bản giao nhận ngày 22/5/2024.

[9] Từ nhận định nêu trên xét thấy kháng cáo của ông Cấn Văn Đ yêu cầu hủy bản án sơ thẩm hay sửa bản án sơ thẩm đều không được chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa đề nghị bác kháng cáo của ông Cấn Văn Đ, giữ quyền quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định.

[10] Về án phí: Ông Cấn Văn Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ: khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

\* Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Cấn Văn Đ; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2023/HC-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

(Kèm theo có sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ theo Biên bản ngày 10/5/2024)

2. Về án phí: Ông Cấn Văn Đ được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo Quyết định ủy thác của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã chi

5.988.000đ. Bà L5 là người đại diện của ông Cấn Văn Đ đã nộp tạm ứng. Căn cứ Điều 358, 359 của Luật Tố tụng hành chính, ông Đ phải chịu 5.988.000đ, được đối trừ vào tiền tạm ứng đã nộp, còn thừa 3.012.000đ ông Đ được trả lại và người đại diện của ông Đ là bà L5 đã nhận đủ tiền trả lại 3.012.000đ theo Biên bản giao nhận ngày 22/5/2024. Xác nhận đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Ngọc Hoa**